

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP: TỔNG QUAN THỰC NGHIỆM VÀ HÀM Ý PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM

CHUNG THÚY AN

Giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng,
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Lecturer, Faculty of Finance and Banking, Ho Chi Minh City Open University

Email: an.ct@ou.edu.vn

Ngày nhận bài: 6/7/2026

Ngày sửa bài: 24/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 7/8/2026

Tóm tắt:

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành công nghệ nền tảng tái định hình cách doanh nghiệp ra quyết định, vận hành và đổi mới sáng tạo. Bài viết tổng hợp các nghiên cứu thực nghiệm công bố trên các tạp chí thuộc lĩnh vực quản trị, kinh tế và tài chính, phân thành 6 nhóm: (1) mức độ áp dụng AI; (2) AI và đầu ra đổi mới sáng tạo/hiệu suất tài chính; (3) AI, năng suất và vận hành; (4) AI và đổi mới sáng tạo xanh; (5) AI và cấu trúc thị trường; (6) AI, nguồn nhân lực và rủi ro tổ chức. Kết quả cho thấy AI tác động tích cực nhưng không đồng nhất, có độ trễ, phi tuyến và phụ thuộc năng lực nội tại doanh nghiệp; đồng thời tồn tại rủi ro về bất bình đẳng tiếp cận, quyền lực thị trường và minh bạch thông tin. Bài viết đề xuất hàm ý cho doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo, hiệu suất doanh nghiệp, năng lực động

Artificial Intelligence and the transformation of innovation in enterprises: An empirical review and development implications for Vietnam

Abstract:

Artificial intelligence (AI) is emerging as a foundational technology that is reshaping how enterprises make decisions, operate, and innovate. This study synthesizes empirical studies published in journals in the fields of management, economics, and finance and classifies them into six groups: (1) AI adoption; (2) AI and innovation outcomes/financial performance; (3) AI, productivity, and operations; (4) AI and green innovation; (5) AI and market structure; and (6) AI, human resources, and organizational risks. The findings indicate that AI has positive but heterogeneous effects, which may be subject to time lags, exhibit nonlinear patterns, and depend on firms' internal capabilities. At the same time, AI adoption entails risks related to unequal access, market power, and information transparency. The study proposes implications for enterprises and policymakers in Vietnam.

Keywords: artificial intelligence, innovation, firm performance, dynamic capabilities

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo (AI) đã chuyển từ công nghệ thử nghiệm thành yếu tố đầu vào của chiến lược, len lỏi vào tuyển dụng, chuỗi cung ứng, ra quyết định và hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Theo Ren et al. (2026), quá trình chuyển đổi AI (AI transformation) trong doanh nghiệp ngày càng được nhìn nhận là động lực quan trọng cải thiện hiệu suất bền vững (ESG) thông qua thúc đẩy đổi mới xanh và nâng cao chất lượng quản trị công ty, thu hút sự quan tâm học thuật ngày càng lớn. Tương tự, Yavuz & Çalik (2025) cho rằng, AI/ML (machine learning) là lực lượng "phá hủy sáng tạo" kiểu Schumpeter, có khả năng định hình lại cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Đồng thời, dựa trên lý thuyết năng lực động của Teece et al. (2016), các tác giả cho rằng năng lực thích ứng với thay đổi công nghệ trở nên đặc biệt quan trọng trong bối cảnh AI. Theo Ke & Luo (2026), Trung Quốc đã ban hành "Kế hoạch phát triển AI thế hệ mới (2017)" nhằm đưa nước này trở thành trung tâm đổi mới AI hàng đầu thế giới vào năm 2030 - minh chứng cho mức độ ưu tiên chính sách dành cho AI ở cấp quốc gia.

Nghiên cứu thực nghiệm về AI và hiệu suất đổi mới sáng tạo doanh nghiệp tăng mạnh giai đoạn 2024-2026, công bố trên nhiều tạp chí thuộc kinh tế học, quản trị và đổi mới sáng tạo (Journal of Monetary Economics, Research Policy, Journal of Innovation & Knowledge, Journal of Open Innovation...), phản ánh tính đa ngành của chủ đề. Phạm vi địa lý cũng trải rộng, từ Trung Quốc, Lebanon, Việt Nam đến Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Anh. Chủ đề này đặc biệt đáng chú ý dưới góc nhìn tài chính doanh nghiệp, nơi đổi mới sáng tạo do AI thúc đẩy được kỳ vọng chuyển hóa thành các chỉ tiêu tài chính cụ thể như ROA, biên lợi nhuận hoạt động và giá trị doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tài liệu hiện còn phân mảnh theo từng biến kết quả đơn lẻ, thiếu khung liên kết như từ áp dụng AI đến cơ chế trung gian, đến kết quả đổi mới, đến rủi ro. Nhiều phát hiện phi tuyến (Ke & Luo, 2026) chưa được đối chiếu thống nhất. Bằng chứng tập trung ở doanh nghiệp lớn tại nước phát triển và Trung Quốc, nhưng còn thiếu những nghiên cứu ở các doanh nghiệp SME và thị trường mới nổi như Việt Nam; các hệ quả không mong muốn (bất bình đẳng lương, bất cân xứng thông tin, tập trung thị trường) mới rải rác, chưa đặt cạnh lợi ích để tạo bức tranh cân bằng. Do đó, bài nghiên cứu này nhằm: (i) tổng hợp, phân nhóm nghiên cứu gần đây về AI và hiệu suất đổi mới sáng tạo doanh nghiệp; (ii) so sánh để nhận diện thực trạng nghiên cứu; (iii) chỉ ra thuận lợi, thách thức; (iv) đề xuất hàm ý cho doanh nghiệp và chính sách tại Việt Nam.

2. Tổng quan lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan lý thuyết

Mức độ và đặc điểm áp dụng AI: Calvino & Fontanelli (2026) sử dụng khảo sát ICT chính thức của Pháp năm 2018 kết hợp dữ liệu bảng cân đối kế toán 2011-2019 để phân biệt doanh nghiệp "mua AI" (AI buyers) và "tự phát triển AI" (AI developers). Nhóm mua AI có năng suất cao hơn chủ yếu do hiệu ứng tự chọn lọc - doanh nghiệp vốn đã năng suất cao có xu hướng áp dụng AI trước - trong khi nhóm tự phát triển duy trì lợi thế năng suất bền vững ngay cả sau khi kiểm soát yếu tố này, nhờ năng lực ICT nội bộ chuyên sâu hơn. Abdul Wahab & Radmehr (2024), dựa trên lý thuyết năng lực động và khảo sát 417 SME tại Lebanon, cho thấy "đồng hóa AI" tác động đến hiệu suất qua hai biến trung gian song song là năng lực hấp thụ và sự nhanh nhạy với khách hàng, được điều tiết dương bởi sự nhanh nhạy tổ chức. Qua đó cho thấy, lợi ích AI đến từ năng lực nội hóa và vận hành công nghệ, không chỉ từ việc sở hữu hay mua sắm.

AI và đầu ra đổi mới sáng tạo/hiệu suất tài chính: Yavuz & Çalik (2025), dùng học máy XGBoost và random forest trên 20 doanh nghiệp công nghệ (2013-2023), cho thấy cường độ bằng sáng chế AI/ML tác động dương đến ROA và biên lợi nhuận hoạt động, rõ nhất sau độ trễ 5 năm, trong khi tác động lên lợi nhuận ròng còn hạn chế. Yu et al. (2026), dựa trên lý thuyết tác động khả năng công nghệ và sử dụng

20.178 mẫu quan sát doanh nghiệp Trung Quốc (2007-2022), phát hiện đổi mới AI thúc đẩy "doanh nghiệp tăng trưởng cao" qua hiệu quả vận hành. Hơn nữa, cạnh tranh ngành làm suy yếu quan hệ này nhưng quy mô hội đồng quản trị lớn triệt tiêu hoàn toàn tác động tiêu cực đó. Trong khi đó, Liu et al. (2025) đã khảo sát 246 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trực tiếp giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) tại Australasia, cho thấy hệ thống AI cải thiện đổi mới sáng tạo qua chất lượng ra quyết định, được điều tiết phi tuyến bởi sự nhanh nhạy chiến lược (lợi ích đạt đỉnh ở mức vừa phải rồi chững lại); vai trò điều tiết của phong cách ra quyết định không có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung, lợi ích tài chính/đổi mới sáng tạo từ AI thường gián tiếp, có độ trễ.

AI, năng suất và hiệu quả vận hành: Pastor-Merino et al. (2026) xây dựng phương pháp kết hợp web scraping và LLM để nhận diện AI trên 62.525 doanh nghiệp Tây Ban Nha, dùng ước lượng biến công cụ cân bằng entropy: doanh nghiệp áp dụng AI có doanh thu cao hơn 53-55%, giá trị gia tăng cao hơn 48%; mức tích hợp AI càng sâu, phần thưởng năng suất càng lớn, đi kèm tăng trưởng doanh thu nhanh hơn 9-13%/năm, song lợi ích tập trung ở nhóm số hóa sâu. Bên cạnh đó, Song & Lyu (2026), nghiên cứu LLM trong quản lý tài sản Trung Quốc bằng thiết kế DiD, cho thấy AI không thay thế mà mở rộng tuyển dụng tư vấn viên (đặc biệt vị trí thấp) nhờ tái phân bổ công việc; doanh nghiệp nâng yêu cầu kỹ năng mềm trong khi kỹ năng kỹ thuật không đổi, chất lượng dịch vụ cải thiện nhưng phí tư vấn ổn định do cạnh tranh. Hai nghiên cứu củng cố quan điểm hỗ trợ giữa AI và lao động, phù hợp khung nhiệm vụ của Acemoglu & Restrepo (2019) hơn là thay thế thuần túy.

AI và đổi mới sáng tạo xanh/phát triển bền vững: Ke & Luo (2026) đã phát hiện quan hệ hình chữ U ngược giữa AI và năng suất nhân tố tổng hợp xanh, qua chuyển đổi chiến lược xanh và R&D xanh; giáo dục vùng và quản trị công ty làm phẳng đường cong, hiệu ứng rõ hơn ở doanh nghiệp chịu quy định môi trường thấp, ràng buộc tài chính cao. Trong khi đó, Ren et al. (2026), dựa trên 1.774 doanh nghiệp niêm yết Trung Quốc giai đoạn 2012-2023, cho thấy AI cải thiện hiệu suất ESG qua 2 kênh chính: (1) thúc đẩy đổi mới xanh; (2) nâng cao chất lượng quản trị công ty. Hiệu ứng này rõ nét hơn ở doanh nghiệp nhà nước, cường độ công nghệ thấp và chịu áp lực ô nhiễm môi trường cao hơn. Nhóm này cho thấy, quan hệ AI và hiệu suất ESG phụ thuộc mạnh vào đặc điểm sở hữu và mức độ thâm dụng công nghệ của doanh nghiệp.

AI, cấu trúc thị trường và lợi thế cạnh tranh: Mihet et al. (2026) xây dựng mô hình động với ràng buộc "information entropy - thước đo định lượng mức độ bất định" - nếu AI không đủ mạnh, càng nhiều dữ liệu thô càng gây quá tải và lợi suất âm - kiểm định bằng hai cú sốc ngoại sinh trong giai đoạn 2000-2023. Kết quả cho thấy, AI mang lợi ích không cân xứng cho doanh nghiệp giàu dữ liệu. Hay có thể nói tiếp cận dữ liệu đã xử lý thay thế năng lực tính toán, giảm tập trung ngành. Điều đó hàm ý cần điều tiết cả dữ liệu, không chỉ AI. Forgione & Migliardo (2026), dựa trên RBV và bộ dữ liệu INVIND của Ngân hàng Trung ương Ý với thiết kế DiD "Clean 2x2", cho thấy áp dụng AI sớm gắn với tăng 17% chỉ số Lerner qua cơ chế mở rộng biên giá - chi phí. Nhóm này cho thấy, AI vừa là động lực đổi mới, vừa có thể làm gia tăng tập trung thị trường - góc nhìn ít gặp trong tài liệu hiệu suất thuần túy.

AI, nguồn nhân lực và rủi ro tổ chức: Nghiên cứu của Agag et al. (2026) cho thấy vốn nhân lực AI tác động dương đến giá trị doanh nghiệp, và tác động âm đến bất bình đẳng lương. Hơn nữa, vốn đóng vai trò trung gian một phần và quan hệ mạnh hơn ở ngành năng động, phức tạp. Cheng & Ji (2026), dựa trên lý thuyết tín hiệu, cho thấy việc công bố sử dụng AI trong tuyển dụng làm tăng sức hấp dẫn của tổ chức đối với ứng viên tiềm năng, thông qua cảm nhận về năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; hiệu ứng này rõ nét hơn ở nhóm ứng viên có mức độ tự tin cao vào năng lực sử dụng AI (AI self-efficacy). Khác với 2 nghiên cứu trước, Le et al. (2026) đã nghiên cứu cho kết quả năng lực AI thúc đẩy định hướng khởi nghiệp - cơ chế chuyển đổi thông tin AI thành hành động - dẫn đến đổi mới mô hình kinh doanh và hiệu suất. Tác động này mạnh hơn và có ý nghĩa thống kê ở doanh nghiệp phi gia đình. Nhóm này cho thấy, lợi

ích AI đối với tổ chức được truyền tải qua nhiều cơ chế như tín hiệu, nhận thức và hành vi. Do đó, lợi ích AI cần được xem xét đa chiều cả về hiệu quả tuyển dụng lẫn hệ quả phân phối, đạo đức.

2.2. Thuận lợi của thực trạng nghiên cứu, thách thức và vấn đề còn bỏ ngỏ

Thuận lợi: Các phát hiện về tác động tích cực của AI đến hiệu suất và đổi mới sáng tạo doanh nghiệp khá nhất quán trên nhiều phương pháp định lượng khác nhau như: biến công cụ (IV), khác biệt trong khác biệt (DiD), GMM hệ thống, học máy (XGBoost, random forest), làm tăng độ tin cậy của kết luận dù bối cảnh dữ liệu khác nhau. Nền tảng lý thuyết được vận dụng cũng đa dạng và bổ trợ nhau: lý thuyết năng lực động, lý thuyết nguồn lực (RBV), lý thuyết tác động khả năng công nghệ (technology affordance actualization), lý thuyết tín hiệu, lý thuyết giải đấu (tournament theory) và mô hình SOR - cho phép giải thích cơ chế tác động ở nhiều tầng (cá nhân, tổ chức, ngành, thị trường). Phạm vi nghiên cứu cũng mở rộng đáng kể về loại hình doanh nghiệp (từ tập đoàn niêm yết lớn đến SME, doanh nghiệp khởi nghiệp) và địa lý (từ thị trường phát triển đến thị trường mới nổi như Việt Nam), tạo cơ sở ngày càng phong phú để so sánh liên bối cảnh.

Thách thức và vấn đề còn bỏ ngỏ: Tính phi tuyến và độ trễ thời gian của tác động AI (như dạng chữ U ngược trong đổi mới xanh của Ke & Luo (2026), hay độ trễ 5 năm trong hiệu suất tài chính của Yavuz & Çalik (2025)) khiến việc so sánh trực tiếp giữa các nghiên cứu trở nên khó khăn và dễ dẫn đến kết luận trái chiều nếu chỉ nhìn ở một mốc thời gian ngắn hạn. Xuất hiện nguy cơ "khoảng cách AI" (AI divide) như là: lợi ích tập trung ở doanh nghiệp giàu dữ liệu, quy mô lớn, có hạ tầng số sẵn có (Calvino & Fontanelli, 2026; Mihet et al., 2026), trong khi doanh nghiệp nhỏ hoặc ở thị trường mới nổi có thể bị bỏ lại phía sau nếu thiếu năng lực hấp thụ. Các hệ quả ngoài ý muốn (bao gồm: gia tăng quyền lực thị trường (Forgione & Migliardo, 2026), bất bình đẳng tiền lương (Agag et al., 2026)) mới được nghiên cứu như các phát hiện đơn lẻ, chưa được tích hợp một cách hệ thống vào khung đánh giá hiệu suất đổi mới sáng tạo tổng thể. Cuối cùng, phần lớn nghiên cứu vẫn giới hạn trong một quốc gia, một ngành, hoặc một giai đoạn thời gian tương đối ngắn, làm hạn chế khả năng khái quát hóa.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết áp dụng phương pháp tổng quan tường thuật có cấu trúc (structured narrative review) đối với các nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa trí tuệ nhân tạo (AI) và đổi mới sáng tạo doanh nghiệp. Quy trình tìm kiếm tài liệu được thực hiện trên các cơ sở dữ liệu học thuật uy tín như ScienceDirect, Google Scholar và Emerald. Nghiên cứu sử dụng kết hợp các từ khóa: "artificial intelligence", "AI adoption", "innovation performance", "firm performance", "green innovation", với các thuật ngữ liên quan đến bối cảnh doanh nghiệp và tài chính. Phạm vi thời gian giới hạn trong các công trình công bố từ năm 2024 đến giữa năm 2026, nhằm đảm bảo tính cập nhật của bằng chứng thực nghiệm trong giai đoạn AI phát triển nhanh.

Tiêu chí lựa chọn bao gồm: (i) là nghiên cứu thực nghiệm định lượng, có kiểm định giả thuyết bằng dữ liệu thực tế, không bao gồm nghiên cứu thuần lý thuyết hoặc bài viết quan điểm; (ii) công bố trên tạp chí học thuật có bình duyệt (peer-reviewed) thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị, tài chính hoặc đổi mới sáng tạo; (iii) có liên quan trực tiếp đến AI và ít nhất một trong các khía cạnh: hiệu suất tài chính, năng suất, đổi mới sáng tạo, cấu trúc thị trường, hoặc nguồn nhân lực doanh nghiệp. Sau quá trình sàng lọc, nhóm tác giả chọn được 14 nghiên cứu thực nghiệm cốt lõi, công bố trên các tạp chí uy tín như Journal of Monetary Economics, Research Policy, Journal of Innovation & Knowledge,...

Các nghiên cứu được mã hóa và phân loại theo phương pháp phân tích chủ đề thành 6 nhóm nội dung như trình bày ở Mục 2.1, dựa trên biến kết quả (outcome variable) chính của từng nghiên cứu. Với mỗi nghiên cứu, tác giả trích xuất và đối chiếu các thông tin: bối cảnh dữ liệu, phương pháp định lượng, khung lý thuyết nền tảng, và phát hiện chính. Việc tổng hợp được thực hiện theo hướng so sánh liên nhóm (cross-group comparison) nhằm nhận diện điểm tương đồng, khác biệt và khoảng trống nghiên cứu, làm cơ sở cho phần thảo luận thuận lợi - thách thức ở Mục 2.2 và hàm ý chính sách ở Mục 3.

3. Thực trạng ứng dụng AI tại Việt Nam và hàm ý phát triển

3.1. Thực trạng ứng dụng AI tại Việt Nam

Theo khảo sát của AWS phối hợp với Strand Partners (Hàng Anh, 2025; Quỳnh Trang, 2025), tính đến cuối 2025 có gần 170.000 doanh nghiệp (khoảng 18% tổng số doanh nghiệp cả nước) đã ứng dụng AI (tăng từ 13% so với năm trước). Đáng chú ý, 61% doanh nghiệp đã triển khai AI ghi nhận doanh thu tăng trung bình 16%, và 58-60% kỳ vọng giảm khoảng 20% chi phí vận hành. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng còn hạn chế: 74% doanh nghiệp chỉ dùng AI cho hoạt động hỗ trợ cơ bản, chỉ 9% bước vào giai đoạn chuyển đổi toàn diện (Hàng Anh, 2025); 55% cho biết thiếu kỹ năng số, chỉ 24% tự tin vào năng lực nội bộ để triển khai AI (Quỳnh Trang, 2025).

Tương tự, Lê Lâm (2026) cho biết phần lớn doanh nghiệp Việt Nam vẫn ở cấp độ 1-2 trong khung CASAN ("dùng AI" chứ chưa "tích hợp AI"), còn khảo sát của Viện CNTT - ĐHQGHN trên hơn 50 doanh nghiệp, 127 viện/trường (giai đoạn 2023-2025) cho thấy 30% tổ chức chỉ đầu tư dưới 50 triệu đồng/năm cho AI (VVH, 2026). Những số liệu này củng cố cho năng lực nội tại (không chỉ việc sở hữu công nghệ) quyết định mức độ hưởng lợi từ AI (Calvino & Fontanelli, 2026). Đáng lưu ý về khoảng cách tích hợp AI giữa doanh nghiệp lớn và phần còn lại tại Việt Nam. Theo Lê Lâm (2026), FPT ghi nhận AI giúp cải thiện năng suất khoảng 30% ở một số hoạt động và gần 100% nhân viên được đào tạo AI. Hơn nữa, theo Trần Hưng (2025), FPT dành hơn 13 triệu USD phát triển FPT.AI, Viettel có hơn 80.000 cá nhân/tổ chức đăng ký nền tảng Viettel AI Open Platform, và VNPT dùng AI rút ngắn thời gian đăng ký thông tin thuê bao xuống còn tối đa 5 giây.

Về chính sách, Trần Hưng (2025) cho biết Quyết định số 127/2021/QĐ-TTg cùng Nghị định 182/2024/NĐ-CP hỗ trợ tới 50% cho các dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển. Về hạ tầng, theo Abu Dhabi Media Office (2026) và Thai Khang (2026), G42 (UAE), FPT và Viet Thai Group đã ký thỏa thuận khung với cam kết đầu tư lên đến 1 tỷ USD để xây dựng 3 trung tâm dữ liệu AI và triển khai hạ tầng điện toán đám mây quốc gia tại Việt Nam, nhằm hỗ trợ mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm AI hàng đầu Đông Nam Á. Về phong trào đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp AI, theo Đức Thiện (2025), làn sóng khởi nghiệp AI được thúc đẩy bởi Nghị quyết 57 về phổ cập AI như AI Hay gọi vốn Series A 10 triệu USD (tổng huy động hơn 18 triệu USD) và NYB.AI được cấp bằng sáng chế tại Singapore. Về hợp tác quốc tế, Nguyên Vy (2025) cho biết tại Hội nghị "AI+" 2025 ở Trung Quốc, doanh nghiệp Việt Nam tham gia 3 trụ cột hợp tác (nông nghiệp thông minh - sản xuất - thương mại điện tử - y tế), và thành lập Trung tâm Hợp tác Đổi mới Sáng tạo AI Trung Quốc - ASEAN. Hướng đến nhân lực trẻ, VIR (2026) và Thanh Phong (2026) cho biết Vietnam AI Innovation Challenge 2026 - hackathon AI-native quốc gia do NIC, Meta, AI for Vietnam Foundation, FPT và Đại học Duy Tân tổ chức thu hút 2.000-3.000 lập trình viên và người trẻ tham gia, diễn ra tại Đà Nẵng trong tháng 7/2026. Cuối cùng, khảo sát của Viện Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội (VVH, 2026) cho thấy 65% người được hỏi "rất quen" với AI nhưng 58% vẫn lo ngại về quyền riêng tư, cho thấy nhận thức và niềm tin vào AI tại Việt Nam còn phân hóa.

3.2. Hàm ý phát triển

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, phát hiện của Calvino & Fontanelli (2026) và Abdul Wahab & Radmehr (2024) cho thấy, lợi ích tài chính từ AI gắn với năng lực hấp thụ và kỹ năng số nội bộ, không phải với quy mô chi tiêu mua sắm công cụ. Kết luận này áp dụng trực tiếp vào thực trạng trong nước, nơi 55% doanh nghiệp thiếu kỹ năng số và chỉ 24% tự tin vào năng lực nội bộ để triển khai AI (Quỳnh Trang, 2025). Nếu ngân sách AI tiếp tục dồn vào mua giấy phép phần mềm thay vì đào tạo nhân sự và tái thiết kế quy trình vận hành, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam có nguy cơ dừng lại ở mức ứng dụng cơ bản như 74% doanh nghiệp hiện nay (Hàng Anh, 2025), thay vì tiến tới giai đoạn tích hợp toàn diện. Theo Le et al. (2026), lợi

ích AI được khuếch đại ở doanh nghiệp có định hướng khởi nghiệp chủ động và yếu hơn ở doanh nghiệp gia đình; vì sở hữu gia đình phổ biến trong khu vực tư nhân Việt Nam, nhóm doanh nghiệp này cần chủ động chuyển năng lực AI thành hành động chiến lược cụ thể thay vì xem AI như công cụ vận hành thuần túy. Theo Cheng & Ji (2026), việc công bố minh bạch, cụ thể về cách thức ứng dụng AI trong quy trình tuyển dụng giúp gia tăng sức hấp dẫn của doanh nghiệp đối với ứng viên tiềm năng, đặc biệt nhóm ứng viên có nền tảng công nghệ tốt; do đó doanh nghiệp Việt Nam nên chủ động truyền thông rõ về việc ứng dụng AI trong tuyển dụng thay vì né tránh.

Đối với nhà hoạch định chính sách, phát hiện của Mihet et al. (2026) cho thấy, khả năng tiếp cận dữ liệu đã xử lý có thể thay thế cho năng lực tính toán riêng và làm giảm mức độ tập trung ngành mang một hàm ý đáng cân nhắc cho Việt Nam ở giai đoạn hiện tại. Làn sóng đầu tư trung tâm dữ liệu quy mô lớn đang diễn ra, với thỏa thuận khung 1 tỷ USD giữa G42, FPT và Viet Thai Group để xây dựng 3 trung tâm dữ liệu AI quốc gia (Abu Dhabi Media Office, 2026; Thai Khang, 2026), tập trung chủ yếu ở một số tập đoàn công nghệ lớn. Nếu chính sách chỉ khuyến khích đầu tư hạ tầng tính toán mà không đi kèm cơ chế mở rộng khả năng tiếp cận dữ liệu cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, khoảng cách năng lực giữa nhóm dẫn đầu và phần còn lại của nền kinh tế có nguy cơ nới rộng, đúng theo cơ chế mà Mihet et al. (2026) mô tả cho doanh nghiệp giàu dữ liệu. Phát hiện của Pastor-Merino et al. (2026) rằng lợi ích AI tập trung ở nhóm số hóa sâu, đối chiếu với thực trạng 74% doanh nghiệp Việt Nam mới dùng AI ở mức cơ bản (Hằng Anh, 2025), củng cố lập luận rằng chính sách hỗ trợ nên ưu tiên xây dựng năng lực số nền tảng cho SME, thay vì chỉ thúc đẩy số lượng doanh nghiệp "có dùng AI".

Đối với nhà đầu tư và thị trường vốn trong nước, kết quả của Yavuz & Çalik (2025) cho thấy, cường độ bằng sáng chế AI/ML chỉ tác động rõ rệt đến ROA sau độ trễ 5 năm, còn Ren et al. (2026) ghi nhận lợi ích ESG từ AI đến từ quá trình tích lũy qua kênh đổi mới xanh và cải thiện quản trị, rõ nét hơn ở nhóm doanh nghiệp có cường độ công nghệ thấp, hàm ý giá trị thực của khoản đầu tư AI khó phản ánh đầy đủ trong ngắn hạn. Hai phát hiện này gợi ý rằng việc đánh giá doanh nghiệp công nghệ Việt Nam đang đầu tư mạnh vào AI, như khoản 13 triệu USD của FPT cho FPT.AI hay các thỏa thuận trung tâm dữ liệu hàng tỷ USD (Trần Hưng, 2025; Abu Dhabi Media Office, 2026; Thai Khang, 2026), cần một khung thời gian dài hơn báo cáo tài chính quý gần nhất, bởi giá trị thực của khoản đầu tư nhiều khả năng chưa phản ánh đầy đủ vào kết quả kinh doanh hiện tại. Đồng thời, phát hiện của Forgione & Migliardo (2026) cho thấy, doanh nghiệp áp dụng AI sớm có thể mở rộng biên lợi nhuận nhờ quyền lực thị trường, chứ không chỉ nhờ hiệu quả vận hành, đặt ra yêu cầu nhà đầu tư cần phân tách rõ nguồn gốc tăng trưởng lợi nhuận: đến từ cải thiện năng suất thực chất, hay từ vị thế thị trường có thể bị thu hẹp khi đối thủ bắt kịp công nghệ. Ở khía cạnh cạnh lao động, bằng chứng từ Pastor-Merino et al. (2026) và Song & Lyu (2026) cho thấy AI chủ yếu mở rộng năng lực phục vụ khách hàng và tạo thêm việc làm hơn là thay thế lao động hiện có; lo ngại về sa thải diện rộng do AI, vốn thường được đề cập trên truyền thông trong nước, chưa có cơ sở thực nghiệm vững chắc trong nhóm nghiên cứu được tổng hợp ở Mục 2.1, và nhà đầu tư không nên chiết khấu giá trị doanh nghiệp chỉ dựa trên rủi ro này.

Đối với hướng nghiên cứu tiếp theo, cần có nghiên cứu thực nghiệm học thuật trực tiếp tại Việt Nam ngoài phạm vi của Le et al. (2026), mở rộng sang doanh nghiệp vừa và nhỏ truyền thống cũng như doanh nghiệp niêm yết trên HOSE và HNX, để kiểm chứng liệu các cơ chế phát hiện ở Trung Quốc và châu Âu, đặc biệt là độ trễ tác động tài chính và quan hệ phi tuyến giữa AI với hiệu suất, có lặp lại trong bối cảnh Việt Nam hay không. Việc đối chiếu số liệu khảo sát ngành như AWS/Strand Partners hoặc Viện Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Hà Nội với dữ liệu tài chính thực tế của doanh nghiệp niêm yết, bằng phương pháp nghiên cứu học thuật có kiểm soát, sẽ giúp chuyển hóa các con số mô tả thực trạng hiện nay thành bằng chứng nhân quả, làm căn cứ đáng tin cậy hơn cho quyết định đầu tư và hoạch định chính sách.

4. Kết luận

Bài viết đã tổng hợp và hệ thống hóa 14 nghiên cứu thực nghiệm công bố trong giai đoạn 2024-2026 về mối quan hệ giữa trí tuệ nhân tạo (AI) và đổi mới sáng tạo doanh nghiệp, phân thành 6 nhóm chủ đề: mức độ áp dụng AI; AI và đầu ra đổi mới sáng tạo/hiệu suất tài chính; AI, năng suất và vận hành; AI và đổi mới sáng tạo xanh; AI và cấu trúc thị trường; AI, nguồn nhân lực và rủi ro tổ chức. Kết quả tổng quan cho thấy, AI tác động tích cực đến hiệu suất và đổi mới sáng tạo doanh nghiệp một cách khá nhất quán trên nhiều phương pháp định lượng khác nhau, song tác động này không đồng nhất, có độ trễ thời gian, mang tính phi tuyến và phụ thuộc mạnh vào năng lực nội tại của doanh nghiệp (đặc biệt là năng lực hấp thụ công nghệ và hạ tầng số sẵn có) hơn là quy mô đầu tư mua sắm công cụ AI. Đồng thời, quá trình ứng dụng AI cũng tiềm ẩn những hệ quả ngoài mong muốn như gia tăng khoảng cách công nghệ giữa doanh nghiệp lớn và nhỏ, tập trung quyền lực thị trường vào nhóm doanh nghiệp giàu dữ liệu, và bất cân xứng thông tin trong một số ứng dụng cụ thể.

Đối chiếu với thực trạng ứng dụng AI tại Việt Nam, bài viết chỉ ra phần lớn doanh nghiệp trong nước vẫn ở giai đoạn ứng dụng cơ bản, chưa tích hợp AI vào chiến lược vận hành toàn diện, trong khi khoảng cách năng lực giữa nhóm doanh nghiệp dẫn đầu (như FPT, Viettel, VNPT) và phần còn lại của nền kinh tế có xu hướng nới rộng. Từ đó, bài viết đề xuất hàm ý theo 4 nhóm đối tượng: doanh nghiệp nên ưu tiên đầu tư năng lực số và tái thiết kế quy trình thay vì chỉ mua sắm công cụ; nhà hoạch định chính sách cần đi kèm cơ chế mở rộng khả năng tiếp cận dữ liệu cho SME song song với thu hút đầu tư hạ tầng tính toán; nhà đầu tư cần đánh giá hiệu suất doanh nghiệp công nghệ trong khung thời gian dài hơn báo cáo tài chính ngắn hạn; và giới nghiên cứu cần triển khai các nghiên cứu thực nghiệm trực tiếp tại thị trường Việt Nam để kiểm chứng khả năng lặp lại của các cơ chế đã phát hiện ở Trung Quốc và châu Âu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Đức Thiện (2025). Rầm rộ khởi nghiệp với trí tuệ nhân tạo (AI). Báo Tuổi trẻ, <https://tuoitre.vn/ram-ro-khoi-nghiep-voi-tri-tue-nhan-tao-ai-20250719230437692.htm>
- Hằng Anh (2025). Gần 170.000 doanh nghiệp Việt Nam đã ứng dụng AI. Tạp chí Kinh tế Việt Nam, <https://vneconomy.vn/gan-170000-doanh-nghiep-viet-nam-da-ung-dung-ai.htm>
- Lê Lâm. (2026). Doanh nghiệp Việt cần chuyển từ "dùng AI" sang "tích hợp AI" để cạnh tranh. Báo Nhân dân, <https://nhandan.vn/doanh-nghiep-viet-can-chuyen-tu-dung-ai-sang-tich-hop-ai-de-canh-tranh-post961098.html>
- Nguyễn Trần Hưng. (2025). Phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam: Động lực và các giải pháp. Tạp chí Quản lý Nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/04/17/phat-trien-cong-nghe-tri-tue-nhan-tao-tai-viet-nam-dong-luc-va-cac-giai-phap/>
- Nguyễn Vy. (2025). Doanh nghiệp Việt Nam chủ động bước vào "sân chơi AI toàn cầu". Tạp chí Công Thương, <https://tapchicongthuong.vn/doanh-nghiep-viet-nam-chu-dong-buoc-va--san-choi-ai-toan-cau-140399.htm>
- Quỳnh Trang. (2025). Doanh nghiệp Việt Nam trước làn sóng AI "bùng nổ". Tạp chí Kinh tế và Dự báo, <https://nief.mof.gov.vn/kinh-te-xa-hoi/doanh-nghiep-viet-nam-truoc-lan-song-ai-bung-no-11747.html>
- Thanh Phong (2026). Vietnam AI Innovation Challenge 2026: Khi người trẻ Việt bước vào cuộc đua "xây dựng cùng AI". Báo Lao động và Xã hội, <https://laodongxahoi.tcnnld.vn/pages/detail/32390/Vietnam-AI-Innovation-Challenge-2026-Khi-nguoi-tre-Viet-buoc-va-oc-dua-xay-dung-cung-AI.html>
- VVH. (2026). Toàn cảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam năm 2025. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VJST). <https://vjst.vn/toan-can-ung-dung-tri-tue-nhan-tao-tai-viet-nam-nam-2025-82739.html>
- Abdul Wahab, M. D., & Radmehr, M. (2024). The impact of AI assimilation on firm performance in small and medium-sized enterprises: A moderated multi-mediation model. *Heliyon*, 10(9), e29580. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e29580>

- Abu Dhabi Media Office. (2026, Ngày 9 Tháng 2). G42 signs US\$1bn agreement with Vietnamese consortium to deploy national AI and cloud infrastructure across Vietnam. <https://www.mediaoffice.abudhabi/en/technology/g42-signs-us1bn-agreement-with-vietnamese-consortium-to-deploy-national-ai-and-cloud-infrastructure-across-vietnam/>
- Acemoglu, D., & Restrepo, P. (2019). Automation and new tasks: How technology displaces and reinstates labor. *Journal of Economic Perspectives*, 33(2), 3-30. <https://doi.org/10.1257/jep.33.2.3>
- Agag, G., Al Zaabi, A., & Eid, R. (2026). Investing in intelligence: AI human capital, wage inequality, and firm value in tourism, travel and hospitality. *Tourism Management*, 117, 105470. <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2026.105470>
- Calvino, F., & Fontanelli, L. (2026). AI users are not all alike: The characteristics of French firms buying and developing AI. *Research Policy*, 55, 105473. <https://doi.org/10.1016/j.respol.2026.105473>
- Cheng, J., & Ji, S. (2026). Signaling organizational artificial intelligence adoption in recruitment materials: Role of perceived innovation ability in organizational attractiveness. *Behavioral Sciences*, 16(3), 455. <https://doi.org/10.3390/bs16030455>
- Forgione, A. F., & Migliardo, C. (2026). The role of AI in shaping firm market power: A difference-in-differences study. *International Journal of Innovation Studies*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1016/j.ijis.2026.100208>
- Ke, Y., & Luo, J. (2026). How does artificial intelligence affect firms' green total factor productivity: Evidence from Chinese listed companies. *International Review of Economics and Finance*, 106, Article 104981. <https://doi.org/10.1016/j.iref.2026.104981>
- Le, A. D., Phan, T. T. H., Luong, T. S., Dao, V. T., Duong, C. D., & Dang, N. S. (2026). Artificial intelligence capabilities, business model transformation, and new venture performance: Moderating role of family firm. *Sustainable Futures*, 12, 101981. <https://doi.org/10.1016/j.sfr.2026.101981>
- Liu, Y. D., Zhang, J. Z., Zheng, J., & Kamal, M. M. (2025). Artificial intelligence-enabled systems and innovation in B2B firms: The role of strategic agility and decision-making performance. *Industrial Marketing Management*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1016/j.indmarman.2025.04.003>
- Mihet, R., Rishabh, K., & Gomes, O. (2026). Is it AI or data that drives firm market power? *Journal of Monetary Economics*, 157, 103878. <https://doi.org/10.1016/j.jmoneco.2025.103878>
- Pastor-Merino, A., Martínez-Barbero, X., Vicente, M. R., & Domenech, J. (2026). Does AI boost firm productivity? A web scraping and LLMs approach. *Telecommunications Policy*, 50(1), Article 103138. <https://doi.org/10.1016/j.telpol.2025.103138>
- Ren, W., Yang, Y., Zhang, Y., Zhao, B., & Lou, Y. (2026). How does artificial intelligence improve corporate ESG performance? *Administrative Sciences*, 16(6), 243. <https://doi.org/10.3390/admsci16060243>
- Song, L., & Lyu, H. (2026). Do large language models displace or complement investment advisors? Evidence from Chinese wealth management firms. *International Review of Economics and Finance*, 111, Article 105636. <https://doi.org/10.1016/j.iref.2026.105636>
- Teece, D. J., Peteraf, M., & Leih, S. (2016). Dynamic capabilities and organizational agility: Risk, uncertainty, and strategy in the innovation economy. *California Management Review*, 58(4), 13-35. <https://doi.org/10.1525/cmr.2016.58.4.13>
- Thai Khang (2026). FPT, Viet Thai and G42 invest \$1 billion in AI infrastructure, cloud computing. VietnamNet, <https://vietnamnet.vn/en/fpt-viet-thai-and-g42-invest-1-billion-in-ai-infrastructure-cloud-computing-2489724.html>
- Vietnam Investment Review - VIR (2026). NIC launches Vietnam's first nationwide AI hackathon. <https://vir.com.vn/nic-launches-vietnams-first-nationwide-ai-hackathon-153742.html>
- Yavuz, M. S., & Çalik, H. (2025). AI and ML patent intensity and firm performance: A machine learning-based lagged analysis. *European Research on Management and Business Economics*, 31, 100291. <https://doi.org/10.1016/j.iedeen.2025.100291>
- Yu, X., Chen, K., & Ren, Z. (2026). Building the efficiency bridge: Artificial intelligence innovation, high-growth firms and industry competition through governance. *Journal of Innovation & Knowledge*, 14, 100961. <https://doi.org/10.1016/j.jik.2026.100961>